

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tham gia
đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND8 ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 598/TTr-STNMT, ngày 31/8/2015 về việc quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác

khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Mức thu phí:

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

a) Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò:

| STT | Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm | Mức thu (đồng/hồ sơ) |
|-----|---|----------------------|
| 1 | Từ 01 tỷ đồng trở xuống | 2.000.000 |
| 2 | Từ trên 01 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng | 4.000.000 |
| 3 | Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng | 6.000.000 |
| 4 | Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng | 8.000.000 |
| 5 | Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng | 10.000.000 |
| 6 | Từ trên 100 tỷ đồng | 12.000.000 |

b) Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

| STT | Diện tích khu vực đấu giá | Mức thu (đồng/hồ sơ) |
|-----|---------------------------|----------------------|
| 1 | Từ 0,5 ha trở xuống | 2.000.000 |
| 2 | Từ trên 0,5 ha đến 02 ha | 4.000.000 |
| 3 | Từ trên 02 ha đến 05 ha | 6.000.000 |
| 4 | Từ trên 05 ha đến 10 ha | 8.000.000 |
| 5 | Từ trên 10 ha đến 50 ha | 10.000.000 |
| 6 | Từ trên 50 ha | 12.000.000 |

3. Chế độ thu, quản lý và sử dụng:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thu phí và được giữ lại 100% (một trăm phần trăm) tổng số tiền phí thu được hàng năm để phục vụ cho hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản của tỉnh.

c) Nội dung chi và mức chi, sử dụng và quyết toán được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

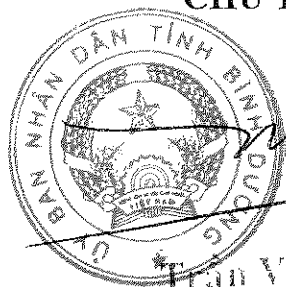
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Cục Kiểm tra QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ TNMT, Bộ Tài chính;
- TT.TU, TT.HĐND;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT Công báo, Website Bình Dương;
- LĐVP, CV, TH;
- Lưu: VT. *ll*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



ll
Trần Văn Nam

